TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2025/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 30 tháng 10 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Mai Văn S; sinh năm 1989; CCCD số 038089046 …; địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Bùi Thị T; sinh năm 2001; CCCD số 038301008 …; địa chỉ: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Mai Văn S và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân phường B, thị xã B (nay là phường B), tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26 tháng 4 năm 2019 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2019, ngày 26/4/2019) là hôn nhân hợp pháp.

[2] Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Văn S và chị Bùi Thị T.

- Về con chung: Anh Mai Văn S và chị Bùi Thị T có 02 con chung là cháu Mai Anh T, sinh ngày 23/01/2019 và Mai An N, sinh ngày 19/11/2021; anh Mai Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Mai Anh T và Mai An N; chị Bùi Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, anh Mai Văn S cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Bùi Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Mai Văn S không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Mai Văn S và chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Mai Văn S tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001136 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Thanh Hóa (Anh Mai Văn S đã thi hành xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 6 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng